

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
NAM
HUYỆN MỎ CÀY NAM
TỈNH BẾN TRE**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 50/2018/HNGĐ - ST
Ngày: 24-8-2018
V/v: “ Xin ly hôn giữa
chị C và anh T”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Uyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Nam
2. Ông Nguyễn Văn Đông

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Lại - Thư ký tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Võ Văn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 156/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2018 về việc: “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 153/2018/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2018, quyết định hoãn phiên tòa số 161/2018/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đoàn Thị Kim C, sinh năm 1993; trú tại ấp A, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre (*có mặt*).
2. *Bị đơn:* Anh Đặng Văn T, sinh năm 1984; trú tại ấp A, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre (*vắng mặt*).
3. Người làm chứng của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1976; trú tại ấp A, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre (*có mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn chị Đoàn Thị Kim C trình bày:

Chị và anh T do quen biết tiến đến hôn nhân, anh chị có làm đám cưới và đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Định Thủy vào ngày 27- 4-2011. Thời gian đầu chị và anh T sống chung ở bên gia đình anh T một thời gian rồi ra riêng ở gần nhà cha mẹ chồng. Đến năm 2017 thì chị và anh T về bên nhà cha mẹ chị tại A sống. Khi có con

khoảng 06 tháng tuổi thì vợ chồng chị sống không còn hạnh phúc do vợ chồng mâu thuẫn trong cuộc sống hằng ngày và cuộc sống vợ chồng. Anh T không lo cho vợ con, không lo làm ăn, chỉ lo đi chơi, ghen tuông, hành hạ đánh đập chị, không lễ phép với người lớn. Vợ chồng thường xuyên cự cãi nên không có hạnh phúc. Anh T về nhà ở Đ sống từ tháng 04/2018 cho đến nay. Anh chị ly thân cách đây hơn nửa năm.

Vợ chồng không thể hàn gắn tình cảm, nay tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn với anh Đặng Văn T.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung tên Đặng Ngọc H1, sinh ngày 28-8-2011. Con hiện đang sống với chị. Nay ly hôn chị yêu cầu nuôi con không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Anh chị có tài sản chung là 01 chiếc xe NOVO, 01 ngôi nhà ở Đ cất trên đất của gia đình chồng, anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Anh chị không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

****Bị đơn anh Đặng Văn T trình bày:***

Về thời gian sống chung, quá trình đăng ký kết hôn như Cương trình bày, vợ chồng do quen biết, đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ.

Sau ngày cưới vợ chồng sống ở A, Đ cách nay 01 năm vợ chồng về A, A cất nhà sinh sống, vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Từ khi vợ chồng về A sinh sống, vợ anh thay đổi rất nhiều, một tuần vợ anh đi chơi 02 đến 03 lần, đi từ lúc 5 giờ đến 9 giờ. Vợ anh uống rượu với bạn bè có khi về tới nhà say mèm. Cách đây khoảng 5 tháng anh và vợ anh 02 tháng không quan hệ với nhau mà vợ anh uống thuốc ngừa thai, anh thấy lạ nên lên nghe vợ anh nghe điện thoại và nghe vợ anh nói chuyện với 01 người đàn ông và xưng hô với nhau là vợ chồng. Anh tức quá nên đập cửa vào, anh lấy điện thoại xem thì thấy tin nhắn toàn là những từ ngữ vợ chồng nên anh nói với cha mẹ vợ nhưng cha mẹ vợ không tin nói anh nhậu xỉn và chửi anh nên anh buồn và bỏ về Đ cất nhà ở, sau 02 ngày vợ anh lên năn nỉ và vợ anh kể hết chuyện vợ anh quan hệ với người đàn ông đó. Anh cho rằng chị C ngoại tình. Nay vợ anh xin ly hôn anh không đồng ý vì anh còn thương vợ, thương con.

Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung tên Đặng Ngọc H1, sinh ngày 28-8-2011. Con hiện đang ở A. Nay nếu ly hôn anh yêu cầu nuôi con, không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Trong thời gian sống chung vợ chồng anh có cất một cái nhà trên phần đất của cha mẹ ruột, một cái nhà trên đất của cha mẹ vợ và mua 1400m², một chiếc xe NOVO, nếu ly hôn anh yêu cầu tòa định giá tài sản chia đôi.

Nợ chung: Không có.

**** Người làm chứng bà Nguyễn Thị H trình bày:***

Bà là mẹ ruột của chị C, bà có nghe chị C nói là anh T đi nhậu về hay đánh chửi chị C và bà cũng có chứng kiến việc anh T đánh chị C, bà có khuyên nhưng anh T không nghe.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo qui định pháp luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của đương sự: nguyên đơn chấp hành đúng qui định pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn chấp hành không đúng qui định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Đề nghị: Áp dụng Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình ; Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đoàn Thị Kim C đối với anh Đặng Văn T, chị C trực tiếp nuôi con chung tên Đặng Ngọc H1, sinh ngày 28-8-2011, ghi nhận việc chị C không cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng :

Đây là vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp về hôn nhân và gia đình cụ thể là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân, bị đơn có nơi cư trú tại huyện Mỏ Cày Nam theo qui định tại điểm a, khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam.

Bị đơn anh Đặng Văn T đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên toà nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt anh T là phù hợp.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

1. Xét yêu cầu ly hôn của chị C, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị C và anh T tự nguyện tiến đến hôn nhân có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ vào năm 2011 nên được xem là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng của chị C và anh T hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nhưng cả hai không tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng. Anh chị là vợ chồng nhưng không quan tâm, chăm sóc, tôn trọng nhau. Việc anh T không đồng ý ly hôn và cho rằng chị C ngoại tình nhưng không có chứng cứ chứng minh, việc 02 tấm hình anh T cung cấp không chứng minh được chị C ngoại tình. Tuy nhiên, chị C cho rằng 02 bên mâu thuẫn nên anh T đã về nhà ở Đ từ tháng 4/2018 cho đến nay. Tại biên bản xác minh ngày 11-7-2018 Trưởng ấp A cho rằng hai vợ chồng anh chị có lời qua tiếng lại và không còn sống chung với nhau nữa. Điều này chứng tỏ anh chị đã có mâu thuẫn vợ chồng. Thấy rằng, tình trạng hôn nhân giữa chị C và anh T đã mâu thuẫn đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai. Do đó, chị C yêu cầu ly

hôn anh T là có căn cứ theo Điều 56 luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

2. Về con chung: Quá trình chung sống chị C và anh T có 01 con chung tên Đặng Ngọc H1, sinh ngày 28-8-2011, hiện cháu H1 đang sống chung với chị C, chị C yêu cầu nuôi, anh T cũng có yêu cầu nuôi cháu Hân. Hội đồng xét xử xét thấy: Cháu Hân hiện đang sống với chị C, theo chứng cứ chị C cung cấp thì chị C đảm bảo đầy đủ điều kiện nuôi con. Đối với anh T có yêu cầu nuôi con và tòa án đã ra thông báo cho anh cung cấp chứng cứ chứng minh anh có điều kiện nuôi con nhưng anh không cung cấp nên Hội đồng xét xử giao cháu Hân cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Việc chị C không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con là sự tự nguyện của chị nên ghi nhận.

3. Về tài sản chung: Chị C trình bày tự thỏa thuận không yêu cầu tòa giải quyết, trong khi đó anh T có trình bày yêu cầu chia đôi tài sản là 02 căn nhà và 1.400m² và 01 chiếc xe Novo nhưng anh không nộp đơn yêu cầu và cung cấp tài liệu chứng cứ theo thông báo giao nộp chứng cứ của tòa án Hội đồng xét xử xác định tài sản chung không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Nếu sau này chị C, anh T có yêu cầu và cung cấp đầy đủ các tài liệu chứng cứ theo qui định của pháp luật thì được quyền khởi kiện trong vụ kiện khác.

4. Về nợ chung: Chị C và anh T đều trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Đoàn Thị Kim C phải nộp.

[3]. Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp nhận định của tòa nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đoàn Thị Kim C.

Chị Đoàn Thị Kim C được ly hôn với anh Đặng Văn T.

Về con chung: Chị Đoàn Thị Kim C trực tiếp nuôi con chung tên Đặng Ngọc H1, sinh ngày 28-8-2011, ghi nhận việc chị C không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, một hoặc cả hai bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung : Không yêu cầu nên không xem xét.

Về nợ chung: Không có nên không xem xét.

Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch chi Đoàn Thị Kim C có nghĩa vụ nộp là 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng, theo biên lai thu số 0016458 ngày 18 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu tòa cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự ;
- VKSND H. Mỏ Cày Nam;
- Chi cục THADS H. Mỏ Cày Nam;
- UBND xã Đ, H. M;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thúy Uyên